

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CẢ NƯỚC

KHU VỰC NÔNG THÔN

Tháng 01 năm 2015

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2015 SO VỚI		
	<i>Kỳ gốc năm 2009</i>	<i>Tháng 1 năm 2014</i>	<i>Tháng 12 năm 2014</i>
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	158,86	100,98	99,84
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	163,37	102,03	100,28
1- Lương thực	145,83	100,05	100,03
2- Thực phẩm	167,24	102,40	100,40
3- Ăn uống ngoài gia đình	172,57	103,10	100,10
II, Đồ uống và thuốc lá	143,37	103,18	100,39
III, May mặc, mũ nón, giày dép	154,03	103,64	100,58
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	163,71	97,07	99,08
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	136,01	102,45	100,18
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	204,58	102,40	100,31
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	236,84	102,46	100,34
VII, Giao thông	135,38	90,13	96,27
VIII, Bưu chính viễn thông	88,66	100,53	99,95
IX, Giáo dục	204,60	105,82	100,08
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	226,63	106,59	100,09
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	124,89	101,86	100,10
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	158,54	103,51	100,49

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng.